

Bản án số: 392/2017/HSPT

Ngày: 09/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân
2. Ông Phan Văn Liệt

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 381/2017/HSPT, ngày 12/7/2017 đối với Lê Tuấn A, Phạm Hoàng L, Trương Văn M do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của bị cáo M đối với bản án hình sự sơ thẩm số 111/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. **Lê Tuấn A** (tên gọi khác: T); giới tính: nam; sinh năm: 1993 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: đường A, Phường B1, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông: U và bà: V; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không;

Tiền sự:

- Ngày 09/3/2012, công an Phường 12, quận Bình Thạnh đưa đi cai nghiện bắt buộc theo Nghị định 135/CP;

- Ngày 09/4/2015, bị công an Phường 2, quận Tân Bình xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức: phạt tiền (750.000 đồng), đã nộp phạt cùng ngày (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0028458/QĐ-XPHC);

- Ngày 22/4/2015, bị chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh đưa vào diện quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình theo Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ (Quyết định số 114/QĐ-UBND);

Bị bắt tạm giam từ ngày: 22/6/2015 (vắng mặt)

2. Phạm Hoàng L; giới tính: nam; sinh ngày: 01/5/1998 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số 37/31 Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: đường D, Phường B2, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; con ông: (không rõ) và bà: Phạm V2; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không;

Tiền án: ngày 18/3/2014, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 34/2014/HSST), chấp hành xong ngày 30/01/2015 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 120/GCN-CHXHPT của Giám thị trại giam Thủ Đức);

Bị bắt tạm giam từ ngày: 17/9/2015 (trước đó, bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/6/2015, đến ngày 11/7/2015 thì được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam và được trả tự do) (vắng mặt)

Bị cáo có kháng cáo:

Trương Văn M; giới tính: nam; sinh năm: 1988 tại: Sóc Trăng; thường trú: đường Đ, Phường B3, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: đường E, Phường B1, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: trang trí nội thất; trình độ văn hóa: 4/12; con ông: U1 và bà: V1; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 28/11/2007, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 340/2007/HSST). Bị cáo không kháng cáo bản án sơ thẩm, chấp hành xong ngày 01/9/2010 (Giấy chứng nhận phạm nhân chấp hành xong hình phạt tù số 267/GCN-CHXHPT của Giám thị trại tạm giam Bó Lá), đã nộp án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 33508 ngày 23/6/2008 (Công văn số 3296/XN-CCTHA ngày 28/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh)

Bị bắt tạm giam từ ngày: 23/6/2015 (có mặt)

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 ngày 22/6/2015, Trương Văn M điều khiển xe gắn máy hiệu Nouvo biển số: 50T2-8432, chở Lê Tuấn A đi tìm tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đến trước đường G1, cư xá H, Phường B4, quận C bị cáo M phát hiện bà Nguyễn Thị M1 đang dựng xe gắn máy hiệu Vision biển số: 59H1-376.42 trong hộc dựng đồ bên trái dưới tay cầm xe có để cái bóp sọc ca - rô màu xám. M chỉ cho Tuấn A thấy cái bóp của bà Mai đồng thời dừng xe kế bên xe của bà M1. Tuấn A xuống xe và bước đến giật cái bóp của bà M1. Lúc này, bà Mai đang ngồi uống nước, nói chuyện với bà K trên lề đường, cách xe Vision khoảng 01 m, mặt nhìn ra đường trông xe. Bà M1 nhìn thấy Tuấn A giật bóp nên tri hô, truy đuổi. Tuấn A liền ngồi lên sau xe cho M chở bỏ chạy đến trước đường G2, cư xá H, Phường B4, quận C thì cả hai bị ngã xe. Tuấn A và M bỏ xe lại, chạy bộ. Trên đường chạy trốn, Tuấn A ném lại bóp có tiền và điện thoại di

động tại trước đường G3, cư xá H nhưng quần chúng vẫn đuổi theo. Khi đến trước đường I, Phường B4, quận C, Tuấn A bị quần chúng bắt giữ, M chạy thoát. Công an thu hồi tài sản trả cho bà M1.

Qua truy xét, Công an bắt được Trương Văn M vào ngày 23/6/2015.

Tại cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an quận Bình Thạnh, Lê Tuấn A và Trương Văn M khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Lê Tuấn A còn khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 00 ngày 04/6/2015, Lê Tuấn A đang chơi game tại tiệm Net đường A, Phường B1, quận C thì Phạm Hoàng L đến rủ Tuấn A đi cướp giật tài sản. Tuấn A đồng ý, L sử dụng xe Dream biển số 51S1 – 3825 chở Tuấn A đi từ đường A ra đường L, rẽ vào đường M hướng ra đường Đ. Khi đi đến trước đường N, Phường B3, quận C thì L nhìn thấy bà Đinh Thị Thanh H đang mở yên xe lấy giỏ xách đeo lên vai trái nên hỏi Tuấn A giật không, Tuấn A đồng ý cướp giật nên L điều khiển xe từ phía sau chạy lên áp sát bên trái bà H để Tuấn A dùng tay phải giật được giỏ xách của bà H rồi L tăng ga xe chở Tuấn A chạy ra đường Đ tẩu thoát. L chở Tuấn A đến cạnh chùa Q số đường E, Phường B1, quận C kiểm tra giỏ xách bên trong có 03 cọc tiền mệnh giá: 500.000 đồng, 10.000 đồng và 5.000 đồng, cùng 01 điện thoại Sam Sung Galaxy Note 3, 01 điện thoại Gmobile và một số giấy tờ cá nhân của bà H gồm: 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ ATM ngân hàng Hàng Hải, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, 01 giấy phép lái xe mang tên Đinh Thị Thanh H. L giữ cọc tiền 500.000 đồng và điện thoại Sam Sung Galaxy Note 3, Tuấn A giữ cọc tiền 10.000 đồng, 5.000 đồng và điện thoại Gmobile, giỏ xách cùng giấy tờ cá nhân của bà H vứt bỏ xuống đường. L chở Tuấn A đến cửa hàng điện thoại T1 đường I, Phường B4, quận C bán điện thoại Samsung Galaxy Note 3 cho ông D được 3.800.000 đồng, sau đó L tiếp tục chở Tuấn A đến khách sạn A1 ở đường H, Phường B1, quận C thuê phòng để chia tiền bán điện thoại mỗi người được 1.900.000 đồng, kiểm tra 03 cọc tiền cướp giật được tổng cộng có 10.000.000 đồng nên chia đều mỗi người được 5.000.000 đồng rồi L chở Tuấn A về nhà.

Ngày 27/6/2015, Phạm Hoàng L được gia đình đưa đến công an Phường 11, quận Bình Thạnh đầu thú. Tại cơ quan điều tra, Tuấn A, L khai nhận hành vi cướp giật tài sản của bà H như trên.

Theo Thông báo kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Bình Thạnh số 676/TB-TCKH ngày 22/7/2015 của Phòng Tài chính – Kế hoạch - Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh thì 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 3 có giá trị là 6.500.000 đồng; 01 điện thoại di động G-Mobile không đủ cơ sở để định giá.

Theo Thông báo kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Bình Thạnh số: 722/TB-TCKH ngày 12/8/2015 của Phòng Tài chính – Kế hoạch - Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh: 01 bóp (ví) màu xám không đủ cơ sở để định giá; 01 điện thoại di động hiệu Avio A37 trị giá 400.000 đồng.

Đối với ông D (chủ cửa hàng điện thoại T1), ông D xác nhận có mua điện thoại Samsung Galaxy Note 3 của L, Tuấn A đem đến bán nhưng không biết là tài sản cướp giật và đã bán lại cho người khác (không rõ lai lịch) nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 111/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn A (T), Phạm Hoàng L, Trương Văn M phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo L)

Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo M)

Xử phạt:

Phạm Hoàng L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2015.

Trương Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2015.

Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Lê Tuấn A (T) và Phạm Hoàng L mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền 6.900.000 đồng, để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng Điều 608 Bộ luật Dân sự; Điều 42 Bộ luật Hình sự.

Buộc các bị cáo Phạm Hoàng L và Lê Tuấn A (T) phải liên đới bồi thường cho bà Đinh Thị Thanh Hương số tiền là 16.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn xử phạt Lê Tuấn A (T) 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 06/6/2017, bị cáo Trương Văn M có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 41/QĐ-VKS-P7 đối với bị cáo Lê Tuấn A và bị cáo Phạm Hoàng L, nội dung đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: không buộc mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền 6.900.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Văn M khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Lê Tuấn A và Phạm Hoàng L đã nhận được Thông báo kháng nghị và không có ý kiến gì đối với kháng nghị này, các bị cáo xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất của vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị phúc thẩm theo hướng không buộc các bị cáo

Lê Tuấn A, Phạm Hoàng L mỗi người phải nộp lại số tiền 6.900.000 đồng sung quỹ nhà nước; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Khoảng 17 giờ 00 ngày 04/6/2015, tại trước địa chỉ đường Đ, Phường B3, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Phạm Hoàng L và Lê Tuấn A đã có hành vi nhanh chóng giật giỏ xách của bà Đinh Thị Thanh H rồi chạy xe tẩu thoát. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt là chiếc giỏ xách bên trong có 03 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, 10.000 đồng, 5.000 đồng, cùng 01 điện thoại Samsung Galaxy Note 3, 01 điện thoại Gmobile, 01 số giấy tờ cá nhân của bà H. Tổng số tiền mặt trong giỏ xách các bị cáo khai là 10.000.000 đồng, điện thoại Samsung qua định giá là 6.500.000 đồng, điện thoại Gmobile không đủ cơ sở định giá.

Khoảng 08 giờ 00 ngày 22/6/2015, tại trước địa chỉ cư xá H, Phường B4, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Tuấn A và Trương Văn M đã có hành vi nhanh chóng giật giỏ xách của bà Nguyễn Thị M1 rồi bỏ chạy, Tuấn A bị quần chúng bắt giữ, còn M1 thì chạy thoát.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 136 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo Lê Tuấn A, Phạm Hoàng L, Trương Văn M về tội “Cướp giật tài sản” là đúng người, đúng tội.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm, bị cáo Trương Văn M kháng cáo. Quyết định kháng nghị phúc thẩm và đơn kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

■ Xét kháng nghị, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo Lê Tuấn A và Phạm Hoàng L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Đinh Thị Thanh H số tiền 16.500.000 đồng, điều này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc mỗi bị cáo phải nộp số tiền 6.900.000 đồng sung quỹ nhà nước là gây bất lợi cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm, không buộc bị cáo Tuấn A, L phải nộp số tiền này (6.900.000 đồng/bị cáo).

■ Xét kháng cáo của bị cáo Trương Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 28/11/2007, bị cáo M bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2010. Hành vi của bị cáo xảy ra vào ngày 22/6/2015, được xét xử sơ thẩm vào ngày 30/5/2017, phù hợp với điều kiện ghi nhận tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội (quy định áp dụng điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015 về việc xóa án tích) và điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm viện

dẫn khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 xem xét theo hướng có lợi cho bị cáo để xác định bị cáo đương nhiên được xóa án tích là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết nào mới để xem xét cho bị cáo Trương Văn M, mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là phù hợp và đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần hình phạt đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm chưa ghi nhận việc bị cáo Phạm Hoàng L đầu thú vào ngày 27/6/2015, bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 11/7/2015 thì được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam và được trả tự do (Biên bản ngày 27/6/2015 tại Công an Phường 11, quận Bình Thạnh ghi nhận Trương Văn M ra đầu thú; Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số 08 ngày 11/7/2015 và Quyết định trả tự do số 57 ngày 11/7/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra – công an quận Bình Thạnh). Do đó, tuy phần nội dung này không có kháng cáo, không có kháng nghị nhưng xét thấy việc ghi nhận thời gian tạm giam trước đó vào bản án phúc thẩm là có lợi cho bị cáo L nên Hội đồng xét xử điều chỉnh cho chính xác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Văn M.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 41/QĐ-VKS-P7 ngày 29/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Lê Tuấn A (T), Phạm Hoàng L, Trương Văn M phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo L)

Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo M)

Xử phạt:

Phạm Hoàng L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2015 (được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 27/6/2015 đến ngày 11/7/2015)

Trương Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2015.

Áp dụng Điều 608 Bộ luật Dân sự; Điều 42 Bộ luật Hình sự

Buộc các bị cáo Phạm Hoàng L và Lê Tuấn A (T) phải liên đới bồi thường cho bà Đinh Thị Thanh Hương số tiền là 16.500.000 (mười sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bị cáo M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Tuấn A, L không nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Bình Thạnh; (1)
- P.PC53- CATP; (1)
- Bị cáo; (3)
- Trại giam Chí Hòa; (1)
- Trại giam Bồ Lát; (2)
- Thi hành án quận Bình Thạnh; (2)
- TAND quận Bình Thạnh; (2)
- Công an quận Bình Thạnh; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (6)
- Sở Tư pháp; (2)
- Lưu, tòa hình sự, hồ sơ (35) (8).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan